

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Khắc Tân

2. Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Trúc Quỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 673/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 19/26 T, phường C, quận L, thành phố Hải Phòng; tạm trú tại: Số 99/168 K, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Quang T, sinh năm 1967; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 19/26 T, phường C, quận L, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn; bản tự khai; biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn (chị Nguyễn Thị H) trình bày: Tôi và anh Đỗ Quang T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, quận H, thành phố Hải Phòng vào ngày 29/11/2008; việc lấy nhau được gia đình hai bên đồng ý tổ chức hỏi cưới.

Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2007 đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, trầm trọng từ năm 2018 nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống chung hai bên không có sự chia sẻ, tin tưởng nhau, anh T mãi vui chơi với bạn bè không có trách nhiệm gì đến vợ con, không chịu làm ăn chăm lo cho cuộc sống chung mà thường xuyên có những lời nói xúc phạm, chửi bới tôi. Một mình tôi phải lo toan gánh vác việc gia đình hai bên, tôi đã cố gắng chịu đựng hơn chục năm nay vì gia đình, chồng con, nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng thẳng hơn và cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ tháng 02 năm 2020, mâu thuẫn trở nên đỉnh điểm, anh T đã đuổi tôi ra khỏi nhà nên tôi đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan hệ gì với nhau từ đấy đến nay và chúng tôi có cùng làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nhưng sau đó anh T gây khó khăn không đến Tòa án, nên tôi đã rút đơn về để vợ chồng nói chuyện nhưng không có kết quả. Từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay tôi đã cố gắng chịu đựng và chung sống để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chúng tôi cũng được hai bên gia đình khuyên giải động viên nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh T.

- Về con chung: Tôi và anh Đỗ Quang T có 01 con chung là Đỗ Mai P, sinh ngày 10/11/2008; hiện cháu đang ăn ở sinh hoạt ổn định cùng tôi. Nay ly hôn tôi đề nghị Tòa án giao con chung Đỗ Mai P cho tôi được trực tiếp và tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tôi và anh T sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tôi và anh T tự thỏa thuận về tài sản chung, về công nợ chúng tôi không có công nợ với ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn có ý kiến trình bày tại biên bản lấy lời khai, đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử: Anh và chị H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, quận H, thành phố Hải Phòng vào ngày 29/11/2008. Quá trình chung sống hai bên có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng về quan điểm sống. Từ đầu năm 2020 mâu thuẫn trở nên trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân về mọi mặt mỗi người ở một nơi. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị H. Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là Đỗ Mai P, sinh ngày 10/11/2008; nếu ly hôn anh đề nghị Tòa án giao con chung Đỗ Mai P cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng nuôi con chung anh và chị H sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và công nợ chung: Anh và chị H tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản thu thập chứng cứ, đại diện địa phương nơi chị H và anh T cư trú cho biết: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Quang T lấy nhau có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa phương. Hiện tại địa phương được biết anh

chị có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh T và chị H cũng đã trình bày với tổ dân phố về mâu thuẫn của hai bên. Từ đầu năm 2020 đến nay, chị H đã đưa con đi nơi khác sinh sống. Đến nay chị H xin ly hôn anh T đại diện tổ dân phố đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật giải quyết. Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Đỗ Mai P, sinh ngày 10/11/2008, hiện cháu đang ở cùng chị H; nếu hai bên ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ theo nguyện vọng của cháu P và theo quy định pháp luật giải quyết. Về tài sản và công nợ chung: Địa phương không nắm được, đề nghị Tòa án căn cứ ý kiến hai bên và theo quy định pháp luật giải quyết.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ kiện đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của các đương sự, việc giao các văn bản cho các bên. Về phía nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ theo quy định tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ theo quy định tố tụng dân sự khi tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Quang T. Về con chung: Giao con chung Đỗ Mai P, sinh ngày 10/11/2008 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con chung chị H sẽ tự thỏa thuận giải quyết với anh T, do vậy không đặt ra xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ: Chị H và anh T không yêu cầu, nên không đặt ra xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa anh Đỗ Quang T đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định pháp luật.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Quang T tuân thủ đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tại bản tự khai của nguyên đơn và biên bản lấy lời khai của bị đơn, hai bên đều thể hiện quá trình anh T, chị H chung sống có phát sinh mâu thuẫn và trầm trọng nhất từ đầu năm 2020 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng, chia sẻ với nhau trong cuộc sống chung, có lời nói xúc phạm lẫn nhau trong cuộc sống; vợ chồng cũng được hai bên gia đình khuyên giải động viên nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, hai bên đã sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay không còn quan hệ gì với nhau về tình cảm, kinh tế; điều này phù hợp với chính quyền địa phương cung cấp. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị H xin được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Quang T có 01 con chung là Đỗ Mai P, sinh ngày 10/11/2008. Nay ly hôn chị H có nguyện vọng tiếp tục được trực tiếp nuôi, chăm sóc con chung đến đủ 18 tuổi; xét cháu Đỗ Mai P đang ở cùng chị H, nên việc chị H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng là chính đáng, phù hợp với thực tế; phù hợp với nguyện vọng của cháu, cũng như ý kiến của chị H và anh T đã trình bày và ý kiến của chính quyền địa phương; ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên giao cháu Đỗ Mai P cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; về cấp dưỡng nuôi con, chị H có ý kiến sẽ tự thỏa thuận giải quyết với anh T, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị H trình bày chị và anh T tự thỏa thuận với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xét giải quyết.

Sau này hai bên có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung sau khi ly hôn sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà Nước theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đỗ Quang T.

2. Về con chung: Giao con chung Đỗ Mai P, sinh ngày 10/11/2008 cho chị H tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Số tiền này chị H đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân theo Biên lai thu tiền số 0013766 ngày 04/6/2020.

Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Lê Chân;
- THADS quận Lê Chân;
- Các đương sự;
- UBND phường S, Q. H,
- Tp. Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Lộc